

Số: /2026/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Xét Tờ trình số: .../TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban ..... Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 15, 16 và khoản 4 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã (sau đây viết tắt là Nghị định số 113/2024/NĐ-CP).

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập, tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã và đang hoạt động trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

b) Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

c) Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.

## **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Việc hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp.

2. Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng tiêu chí thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP và các quy định có liên quan theo từng nội dung hỗ trợ.

3. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị quy định tại Quy định này chỉ hỗ trợ một lần/tổ hợp tác/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký quản lý (trường hợp phân tài sản còn thời gian khấu hao).

4. Các nội dung chính sách quy định tại Nghị quyết này nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng hỗ trợ chỉ được hưởng mức cao nhất của một trong các chính sách hiện hành.

## **Điều 3. Đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ**

1. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

b) Mức hỗ trợ:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí chi trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn, ở cho học viên bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng nơi tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng/01 tháng/01 thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng trong nước. Trường hợp khóa đào tạo, bồi dưỡng có thời gian dưới 01 tháng thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia (26 ngày/01 tháng).

Đối với khóa bồi dưỡng ở nước ngoài, thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Nhà nước hỗ trợ như đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Ngân sách nhà nước chi trả 100% kinh phí đối với công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh hợp tác xã thành phố, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

- Ngân sách thành phố hỗ trợ cho mỗi lao động làm việc tại tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ; hỗ trợ tối đa không quá 03 năm (36 tháng)/lao động và tối đa 02 lao động/tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

## 2. Chính sách hỗ trợ thông tin

### a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:

Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

### b) Mức hỗ trợ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

## 3. Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn

### a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:

Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

### b) Mức hỗ trợ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

## 4. Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả

### a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:

Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 10 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

### b) Mức hỗ trợ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

## 5. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

### a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:

Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 11 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

### b) Mức hỗ trợ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

## 6. Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường

### a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:

Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

### b) Mức hỗ trợ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước do các sở, ban ngành, địa phương tổ chức; hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/01 tháng kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm của các tổ chức kinh tế tập thể, thời gian hỗ trợ không quá 02 năm.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tham gia tham gia diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ 100% kinh phí lần đầu đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử.

#### 7. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị

##### a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:

Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp: ngoài nội dung hỗ trợ nêu trên còn được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

##### b) Hình thức hỗ trợ:

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

##### c) Mức hỗ trợ:

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 90% trên tổng mức đầu tư của dự án. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối ứng phần kinh phí còn lại của dự án.

d) Quy trình tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị sử dụng vốn đầu tư công:

Quy trình tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị sử dụng vốn đầu tư công do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý được quy định theo khoản 1, 2 Điều 39 Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 125/2025/NĐ-CP).

##### đ) Phương thức thực hiện hỗ trợ và cơ chế quản lý sau đầu tư:

Theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

#### 8. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro

##### a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:

Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 15 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

##### b) Mức hỗ trợ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

#### **Điều 4. Quy trình hỗ trợ**

Theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 17 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP và khoản 1, 2 Điều 40 Nghị định 125/2025/NĐ-CP.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và kinh phí sự nghiệp theo từng giai đoạn.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia theo từng giai đoạn.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và kinh phí hợp pháp khác.

### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với những hợp tác xã đang được hỗ trợ kết cấu hạ tầng theo các chính sách của giai đoạn 2021 – 2025 thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của chính sách đó cho đến khi dự án hoàn thành, kết thúc dự án.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày        tháng        năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Khoá X, Kỳ họp thứ .... thông qua ngày ..... tháng .... năm 2026./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- HĐND, UBND xã, phường;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- TT. Lưu trữ lịch sử;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Đồng Văn Thanh**